

Số: 02/2026/CV - PTN

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Vv: Công bố công khai năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành Xây dựng.

Kính gửi: Sở xây dựng tỉnh Tuyên Quang

- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ vào năng lực thiết bị, căn cứ vào năng lực của công ty;
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

1. Thực hiện theo Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyên có công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 01/2026/HT - QĐ về việc Công bố công khai năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng. Nội dung có công bố này được đăng tin trên website: kiemdinhhatuyen.com
2. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin công bố trên Website trên.
3. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyên kính đề nghị Sở xây dựng tỉnh Tuyên Quang xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm của đơn vị lên trang thông tin điện tử theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Website: <https://kiemdinhhatuyen.com>
- Sở xây dựng Tuyên Quang;
- Lưu: văn phòng.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG HÀ TUYÊN**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Sáng

Số: 01/2026/HT - QĐ

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Vv: Công bố công khai năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CỦA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyền.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÀ TUYỀN
- Mã số doanh nghiệp: 5100517697
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 07, đường Bé Văn Đàn, tổ 12, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam
- Điện thoại: 0979.478.161
- Email: kiemdinhhatuyen@gmail.com
- Website: <https://kiemdinhhatuyen.com>
- Người đại diện theo pháp luật: Vũ Văn Sáng
- Chức danh: Tổng Giám Đốc

2. THÔNG TIN PHÒNG THÍ NGHIỆM:

PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Địa chỉ đặt PTN: Số nhà 364, đường 20/8, tổ 35, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

3. THÔNG TIN TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG:

STT	Dự án	Quyết định thành lập	Địa chỉ	Ghi chú

4. DANH MỤC CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009, EN 196-7:2008
2	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011:TCVN 3736:1982; ASTM C109/C 109M-20; AASHTO T106-93; HS R5201-15
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:201 5: ISO 9597-08; ASTM C187- 1 6; JIS R5201 -15
4	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; AASHTO T131; ASTM C187, C191; BS EN 196
5	Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:20 15; ISO 9597-08: JIS R5201 -15
6	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023; ASTM C204-23; ASTM C204-1 8; AASHTO T153-20: AASHTO T192— 19
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605:2023;ASTM C1 88- 17; AASHTO T133-19
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Lấy mẫu, lựa chọn thiết kế thành phần cấp phối, chế tạo và bảo dưỡng mẫu BT	TCVN 3105:2022; ASTM C42/C42M-2020; ASTM C31/C31M-25a; ACI 211-22; BS EN 12350-1:2019; 778/1998/QĐ-BXD; TCVN 10306:2014;
2	Xác định độ sụt, độ chảy xoè của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143
3	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020; AASHTO T121; ASTM C138;
4	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993; ASTM D2850-3a, D4767-3a; BS 1377
5	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585

6	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42; EN 12390-3;
7	Xác định cường độ kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C78; AASHTO T97, T177
8	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012/ ASTM C0164
9	Xác định cường độ chịu kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011; ASTM C469-17; AASHTO T198-15; BS EN 12390-21
III	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; ASTM C144; AASHTO M45; EN 1015
2	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437; EN 1015
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; AASHTO T160
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; ASTM C939;
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807, C953; EN 1015
6	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022; EN 1015
7	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 11971:2018; ASTM C579, C942; EN 1015; AASHTO T106
8	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM C1403; EN 1015
9	Thiết kế cấp phối vữa	TCVN 4457 - 1987
IV	VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC, SONIC	
1	Xác định lượng vón cục trên sàng	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
2	Xác định độ chảy	TCVN 11971:2018; ASTM C230-23; ASTM C939-22; BS EN 445:07
3	Xác định độ lan tỏa	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
4	Xác định tách nước sau 3h	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
5	Xác định độ thay đổi thể tích vữa sau 24h	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
6	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; BS EN 445:07
7	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 11971:2018; BS EN 445:07
V	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DẼM, SỎI, CẤP PHỐI	
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
2	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11; TCVN 14135-4:2024
3	Xác định thành phần hạt	TB 10102-2023; TCVN 7572-2:2006; TCVN14135-5:2024; ASTM C136, D346; AASHTO T27; T30; T37; EN 933-1:2012; JIS A1102:2014
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TB 10115-2023; TCVN 7572-4:2006; EN 1097-6; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-5:2006; EN 1097-6; ASTM C127; AASHTO T85
6	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19; BS EN 1097-3,4
7	Xác định độ ẩm	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-7:2006; ASTM C70, C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5
8	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-8:2006; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T21, T71, T112; EN 9334-1
9	Xác định tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023; TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21
10	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
11	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023; TCVN 7572-11:2006
12	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-12:2006; EN 1092-2;

		ASTM C131, C535; JIS A1121; AASHTO T98, T327
13	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-13:2006; EN 933-3,4,5; ASTM D479; AASHTO T335
14	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112, ASTM C142
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TB 10102-2023; TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112
16	Xác định hàm lượng mica	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-20:2006
17	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724 :2012; 14TCN146:2005
18	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TB 10115-2023; TCVN 7572-10:2006
19	Xác định hệ số dương lượng cát (ES)	TB 10102-2023; AASHTO T176; TCVN14134-5:2024
20	Xác định góc cạnh	TCVN 11807 - 2017
VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG + CẤP PHỐI ĐÁ ĐÁM + CÁT SAN LẤP	
1	Chuẩn bị khô mẫu đất	TCVN 14134-1:2024
2	Chuẩn bị ướt mẫu đất	TCVN 14134-2:2024
3	Xác định khối lượng riêng	TB 10102-2023; TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854
4	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TB 10102-2023; TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T217, T265
5	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TB 10102-2023; TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; TCVN14134-4:2024
6	Xác định thành phần cỡ hạt	TB 10102-2023; TCVN 4198:2014; ASTM C136, C117; AASHTO T88, T27; TCVN 14134-3:2024
7	Đảm nén Proctor của đất, đá, cấp phối, Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TB 10102-2023; TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TB 10102-2023; TCVN 4202:2012; ASTM D2937, D7263; AASHTO T216
9	Xác định độ trương nở và chỉ số CBR đất, đá, cấp phối	TB 10102-2023; TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T180, T193
10	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; AASHTO T267, T194
11	Xác định tính nén lún	TCVN 4200:2012; 22TCN 333:2006; ASTM D4546, D2435, D1557, AASHTO T216
12	Xác định sức chống cắt	TCVN 4199:2012; ASTM D3080; AASHTO T236
13	Xác định góc nghỉ của đất rời	TCVN 8724:2012
14	Xác định độ thấm nước của đất bằng cách đổ nước trong hố đào và hố khoan	TCVN 8731:2012; ASTM D4044, D6539
VII	ĐẤT GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH	
1	Xác định độ bền nén	ASTM D1633-17
2	Xác định độ bền chịu ép chế	ASTM D1633-17
VIII	CẤP PHỐI ĐÁ GIA CỐ XI MĂNG	
1	Đảm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020
2	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 8858:2023
3	Xác định cường độ chịu kéo khi ép chế	TCVN 8862:2011; AASHTO T22M?T22-22
IX	THÍ NGHIỆM TRO BAY	
1	Xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009
2	Xác định độ mịn theo lượng sót sàng 45mm	TCVN 8827:2011
3	Xác định lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011

X	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; TCVN 6194:1996; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
2	Độ nhớt	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; TCVN 6194:1996; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
3	Hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; TCVN 6194:1996; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
4	Độ pH	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; TCVN 6194:1996; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
5	Tỷ trọng	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; TCVN 6194:1996; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
XI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, LỚP PHỦ KIM LOẠI; CÁP THÉP, BU LÔNG, SẢN PHẨM KIM LOẠI	
1	Thử kéo, giãn dài	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008; ASTM A370, ASTM A36/A240/A572/A588/A709; AASHTO T68; JIS Z2241
2	Thử uốn và uốn lại	TCVN 198:2008; TCVN 5891:2008; ASTM A370; JIS Z2248
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn thử kéo - Thử uốn	TCVN 314:2008; TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; TCVN 8311:2010; ASTM A184
4	Thử kéo bu lông, đai ốc, vít, xác định khả năng chịu nhỏ	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; ASTM A370; F606; JIS B1186; JIS B10551; Z2241 ; TCVN 11741:2017
5	Thép tấm, thép hình: Thử kéo, thử uốn, giãn dài	TCVN 197-1:2014; ASTM A370; AASHTO T68-09; JIS Z2241; JIS Z2248; TCVN 7571:2019
6	Ổng kim loại: Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2012; TCVN 7508:2005
XII	BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245, D6927
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T172, T164A; ASTM D2172; EN 12697-1
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM C136
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209; EN 12697-5
5	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; T209, T275
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
8	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
9	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
10	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
11	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
12	Xác định độ thấm nước của BTN trong phòng và hiện trường	TCVN 11634-1-2: 2017
XIII	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7535:2012
2	Thành phần hạt	TCVN 12884 -2 :2020
3	Độ ẩm	TCVN 12884 -2 :2020
4	Chỉ số dẻo	TCVN 4197 : 2012
XIV	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰA TƯƠNG AXÍT	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASHTO T49
2	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53
3	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005

XV	THÍ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009; ASTM C67; AASHTO T32
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67; AASHTO T32
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67; AASHTO T32
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C67; AASHTO T32
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
XVI	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
3	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
4	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
5	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
XVII	THÍ NGHIỆM GẠCH TỰ CHÈN	
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6476:1999
3	Xác định độ thấm nước	TCVN 6476:1999
4	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6476:1999
5	Xác định độ rỗng	TCVN 6476:1999
XXVII	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
1	Xác định độ chặt, độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường bằng phương pháp dao dai.	TCVN 12791:2020
2	Xác định độ chặt, độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp đất, đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát.	ASTM D4914, 22TCN 346-06
3	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
4	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
5	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
6	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
7	Thí nghiệm sức chịu tải của đất nền	TCVN 9354:2012; TCVN 9403:2012
8	Thí nghiệm nén tĩnh cọc, sức chịu tải của cọc	TCVN 9393:2012; ASTM E251; ASTM D1143
9	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu và súng bật nảy xác định cường độ cấu kiện bê tông	TCVN 9335:2012
10	PP không phá hủy sử dụng máy siêu âm để đánh giá chất lượng và cường độ cấu kiện bê tông	TCVN 13537:2022; TCVN 13536:2022
11	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
12	Thí nghiệm hệ thống nổi đất, chống sét, đo điện trở	TCVN 9385:2012; TCVN 4756:89
13	Thử kéo neo cấy thép, bu lông tại hiện trường	BS 8539:2012; ASTM E1512-2001; ASTM E488-96

5. DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

Stt	Loại máy	Nguồn gốc	Kiểu
1	Máy kéo – nén – uốn vạn năng 1000KN – WE-1000B	Trung Quốc	WE-1000B
2	Máy nén bê tông 2000KN TYE - 2000A	Trung Quốc	TYA-2000A
3	Cân kỹ thuật 15kg x 0,1g – HAW	Trung Quốc	HAW
4	Cân kỹ thuật 5kg x 0,01g	Trung Quốc	B50002
5	Tủ sấy 300°C, dung tích 136 lít – 101-2A	Trung Quốc	101-2A
6	Máy nén tam liên (phụ kiện kèm theo)	Trung Quốc	WG-1C
7	Máy cắt phẳng nhanh (Phụ kiện kèm theo)	Trung Quốc	ZJ-1A (ZJ-1C)
8	Máy trộn vữa xi măng	Trung Quốc	JJ5
9	Máy đầm bê tông nhựa	Trung Quốc	LHMJ-II
10	Máy ly tâm chiết tách nhựa	Trung Quốc	DLC-3T
11	Máy nén marshall điện tử	Trung Quốc	FY-3A
12	Lò nung 1000 độ C	Trung Quốc	SX2-4-10
13	Thiết bị kim lún nhựa tự động	Trung Quốc	SZR-3
14	Thiết bị hóa mềm nhựa	Trung Quốc	SYD-2806
15	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của BTN	Trung Quốc	
16	Bể ổn định nhiệt độ 100°C – Kích thước 600x320x330	Trung Quốc	CF-B
17	Máy nén vữa	Trung Quốc	
18	Máy kiểm tra độ chịu nén của đất	Trung Quốc	CBR-2
19	Cung lực 60KN (Vòng đo lực)	Trung Quốc	
20	Bộ chày cối (cải tiến)	Việt Nam	
21	Bộ chày cối (tiêu chuẩn)	Việt Nam	
22	Bộ thiết bị làm chảy + dẻo casagrande	Trung Quốc	
23	Bộ khuôn CBR + các phụ kiện	Việt Nam	
24	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Việt Nam	
25	Bộ gá ép chế BTN + Cấp phối	Việt Nam	
26	Cần Benkelnam	Trung Quốc	
27	Thước 3m	Trung Quốc	
28	Bộ đo E bằng tấm ép cứng	Việt Nam	
29	Kích thủy lực 30 Tấn rỗng tâm (Bơm tay, đồng hồ điện tử, bộ đo lực nhỏ bulong)	Trung Quốc	

30	Kích thủy lực 200T + Bơm tay	Trung Quốc	
31	Kích thủy lực 12T	Trung Quốc	
32	Bộ gá nhỏ bulong hiện trường	Việt Nam	
33	Bộ ngàm nhỏ thép hiện trường	Việt Nam	
34	Bộ gá kéo bulong	Việt Nam	TATECHCO-VN
35	Bộ gối uốn	Việt Nam	
36	Bình hút chân không D300	Việt Nam	
37	Đồng hồ so 0-50mm	Trung Quốc	
38	Đồng hồ so 0-10mm	Trung Quốc	
39	Nhiệt kế kim loại 100 ^{0c}	Trung Quốc	
40	Nhiệt kế kim loại 150 ^{0c}	Trung Quốc	
41	Nhiệt kế kim loại 250 ^{0c}	Trung Quốc	
42	Nhiệt kế kim loại 350 ^{0c}	Trung Quốc	
43	Bình tam giác 500ml	Trung Quốc	
44	Bình tam giác 1000ml	Trung Quốc	
45	Bình tam giác 2000ml	Trung Quốc	
46	Ống đong 50ml	Trung Quốc	
47	Ống đong 100ml	Trung Quốc	
48	Ống đong 250ml	Trung Quốc	
49	Ống đong 1000ml	Trung Quốc	
50	Bình tỷ trọng đất 100ml	Trung Quốc	
51	Khung kích đùn mẫu bê tông nhựa	Trung Quốc	
52	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	Việt Nam	
53	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	Việt Nam	
54	Bộ chia mẫu 1/2", kèm 2 khay hứng mẫu cát + đá	Việt Nam	
55	Bộ gá uốn gạch	Việt Nam	
56	Bộ gá uốn + nén vữa	Việt Nam	
57	Khuôn bê tông trụ D150 x 300, bằng nhựa 2 mảnh, đế thép	Việt Nam	
58	Khuôn bê tông 150x150x150 (bằng nhựa)	Việt Nam	
59	Khuôn vữa 40x40x160 mm (nhựa)	Việt Nam	
60	Hộp nhôm D80X52mm	Việt Nam	
61	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	Trung Quốc	
62	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	Trung Quốc	
63	Bộ sàng đá	Trung Quốc	
64	Bộ sàng cát	Trung Quốc	
65	Bộ sàng cấp phối	Trung Quốc	
66	Bộ sàng bê tông nhựa	Trung Quốc	

67	Bộ sàng đất	Trung Quốc	
68	Sàng cỡ rây ASTM	Trung Quốc	
69	Bình định mức cổ dài 500ml, không nắp (Bình tỷ trọng xi măng)	Trung Quốc	
70	Máy đo điện trở	Thái Lan	4105A
71	Súng bột nảy	Trung Quốc	ZC-3
72	Dụng cụ đo, kiểm tra hàm lượng bùn và cát của Bentonite	Trung Quốc	ANY-1
73	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên cát	Việt Nam	
74	Bộ lắc xác định đương lượng cát	Việt Nam	
75	Bộ xác định góc cạnh của cát	Việt Nam	
76	Bộ xác định đo góc cạnh của cốt liệu thô	Việt Nam	
77	Phễu xác định độ lưu động của vữa	Việt Nam	
78	Phễu xác định độ xốp của đá	Việt Nam	
79	Phễu xác định độ xốp của cát	Việt Nam	
80	Thùng đong 1 (lít)	Việt Nam	
81	Thùng đong 2 (lít)	Việt Nam	
82	Thùng đong 5 (lít)	Việt Nam	
83	Thùng đong 10 (lít)	Việt Nam	
84	Thùng đong 20 (lít)	Việt Nam	
85	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Việt Nam	
86	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Việt Nam	
87	Bàn dẫn xi măng	Trung Quốc	
88	Khuôn cày cua (Lechatolite)	Trung Quốc	
89	Bộ kim vica	Trung Quốc	
90	Giỏ cân thủy tĩnh	Việt Nam	
91	Bộ rót cát hiện trường	Việt Nam	
92	Bộ đo độ nhám mặt đường	Việt Nam	
93	Bộ dao vòng + thanh định hướng	Việt Nam	
94	Máy khoan	Việt Nam	
95	Máy cắt thép	Trung Quốc	
96	Khuôn bê tông nhựa	Việt Nam	
97	Bộ rút sục bê tông xi măng	Việt Nam	

Ghi chú:

- Ngoài các máy móc thiết bị chính đã nêu ở trên. Còn các vật tư phụ phục vụ công tác thí nghiệm như: sàng, thước, khay, mũi khoan, khuôn đúc mẫu, cát tiêu chuẩn, tải trọng chuẩn.....và hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ khác
- Các máy móc thiết bị tại thời điểm công bố đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trong tình trạng sử dụng tốt
- Các máy móc thiết bị được kiểm định hiệu chuẩn đúng theo quy định

6. DANH MỤC NHÂN SỰ THAM GIA THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng chứng chỉ	Vị trí / Chức vụ	Thâm niên	Hợp đồng lao động
1	Nông Khắc Trung	13/11/1981	Đại học - Kỹ sư cầu đường (Trường ĐH Đà Nẵng) - Chứng chỉ: Quản lý phòng TN chuyên ngành xây dựng	Trưởng phòng	1 năm	01.HT/HĐLĐ/2026
2	Triệu Viết Côn	20/02/1989	-Chứng chỉ: Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc (Trường ĐHXD Hà Nội) -Trung cấp nghề TNV Kiểm định chất lượng công trình (Trường CĐGTVT)	Thí nghiệm viên	18 năm	02.HT/HĐLĐ/2026
3	Ma Văn Khương	22/09/1989	Trung cấp nghề TNV Kiểm tra chất lượng cầu đường bộ (Trường CĐGTVT)	Thí nghiệm viên	16 năm	03.HT/HĐLĐ/2026
4	Nguyễn Đức Nhã	09/05/1989	-KS. Kỹ thuật công trình xây dựng (Trường ĐHXD Hà Nội) Chứng chỉ: Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông (Viện KHCN & công nghệ GTVT)	Thí nghiệm viên	1 năm	04.HT/HĐLĐ/2026
5	Ma Văn Hưng	13/08/1991	Trung cấp nghề TNV Kiểm tra chất lượng cầu đường bộ (Trường CĐGTVT)	Thí nghiệm viên	16 năm	05.HT/HĐLĐ/2026

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng chứng chỉ	Vị trí / Chức vụ	Thâm niên	Hợp đồng lao động
7	Vũ Văn Sáng	08/01/1977	Trường công nhân cơ giới XD Việt Xô Sông Đà Chứng chỉ: Thí nghiệm VLXD	Thí nghiệm viên	29 năm	

7. TẤT CẢ NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH NÀY ĐƯỢC CÔNG BỐ CÔNG KHAI TẠI.

Website: <https://kiemdinhhatuyen.com>

8. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC.

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Hà Tuyên cam kết:

- Các thông tin công bố trên là trung thực, chính xác và phù hợp với năng lực thực tế của Công ty.
- Hoạt động thí nghiệm được thực hiện đúng quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai lệch hoặc vi phạm liên quan đến nội dung đã công bố.

Nơi nhận:

- Website: <https://kiemdinhhatuyen.com>
- Sở xây dựng Tuyên Quang;
- Lưu: văn phòng.

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HÀ TUYÊN

